

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, 24 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-TCDS ngày 06 tháng 02 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc A – Trưởng Phòng G - Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Q.

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: ông Phạm Trung K – Phó Trưởng Phòng G - Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Q. Địa chỉ: Số C Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số dư nợ gốc và lãi:

Đại diện Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Xuân H, bà Hoàng Thị T thống nhất, tính đến ngày 09/5/2024, số dư nợ mà ông H, bà T còn nợ tại Ngân hàng TMCP S là 1.665.997.806 đồng (Trong đó nợ gốc là 1.599.068.217 đồng, nợ lãi là 66.929.589 đồng)

- Về phương thức trả nợ: ông Nguyễn Xuân H, bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết đến thời điểm thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình sau:

+ Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2024, mỗi tháng ông H bà T phải trả cho Ngân hàng tối thiểu 50.000.000 đồng (chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng).

+ Chậm nhất đến hết ngày 30/11/2024 ông H, bà T phải trả hết toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H bà T vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo lộ trình đã cam kết như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng và ông H, bà T để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 1650, 1627, 1536, 1535 đều thuộc tờ bản đồ 3, tại Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị T;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (10/5/2024) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 202327309979 ngày 15/11/2023 (Giấy nhận nợ số LD2331900419 ngày 15/11/2023 và Giấy nhận nợ số LD2331900431 ngày 15/11/2023); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 954726 ngày 18/8/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1704341 ngày 29/3/2021.

- Về án phí: ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 30.990.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng

án phí là 30.156.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003285 ngày 05 tháng 02 năm 2024.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: mỗi bên chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ). Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ tạm ứng chi phí tố tụng nên ông H, bà T phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho Ngân hàng TMCP S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Thảo